

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 35/2018/HSST

Ngày 28 tháng 11 năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Cao Xuân Bằng
2. Ông: Nguyễn Văn Đàn

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thuật - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HS ngày 16/11/2018, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị X, sinh năm 1967; Nơi sinh: Xã X, huyện Th, tỉnh H; Nơi cư trú: Số nhà 21, phố 5, thị trấn N, huyện Th, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị B (đã chết); Có chồng: Lê Quang N, sinh năm 1962; Có con sinh năm 1988; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày từ 11/9/2018, Hiện được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 26/CSĐT ngày 17/9/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Th và của Tòa án nhân dân huyện Th cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh Bùi Văn C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã X, huyện Th, tỉnh H.

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1973 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thị trấn N, huyện Th, tỉnh H.

- Đỗ Văn L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xã X, huyện Th, tỉnh H

- Bùi Văn Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã X, huyện Th, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 11/9/2018, Bùi Văn C, sinh năm 1988 ở thôn M, xã X, huyện Th đến nhà Nguyễn Thị X sinh năm 1967 số nhà 21, phố 5, thị trấn N, huyện Th, tỉnh H hỏi mua số lô, số đề. X đã bán cho C gồm: Các số lô 76 là 20 điểm lô tương ứng với số tiền là 460.000đ (một điểm lô X bán là 23.000đ); các số đề “đầu 0” là 20 điểm (một điểm số đề X bán là 1.000đ) tương ứng với số tiền là 200.000đ. Do được trừ đi 20% nên số tiền C phải trả cho X là tổng số tiền 620.000đ. Sau khi C trả tiền và nhận phiếu của X thì bị tổ công tác Công an huyện Th bắt quả tang, cùng toàn bộ vật chứng gồm: Số tiền 9.805.000đ tại vị trí ngồi của X, 03 (ba) mảnh giấy có ghi các số lô, số đề ngày 11/9/2018. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Intel, màu Vàng- Đen, bên trong gắn 02 thẻ sim 02373707251 và sim 0931781786. Thu giữ trên người Chung 01 mảnh giấy có ghi các số lô, số đề; thu giữ tại vị trí ngồi của Lê Quang N là chồng của Nguyễn Thị X 06 tờ giấy có ghi các số Lô Tô và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG-J7 Prime màu Đen, màn hình cảm ứng. Tổ công tác đã yêu cầu Nguyễn Thị X xuất trình cuống vé số lô tô đã bán nhưng X không xuất trình được. Tại thời điểm bắt quả tang thì Lê Quang N đang nhập các số Lô Tô vào bảng thống kê để chuyển cho Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Thanh Hóa.

Nguyễn Thị X còn khai nhận ngoài việc bán số lô, số đề cho Bùi Văn C, thì ngày 11/9/2018 X còn bán cho Nguyễn Thị M sinh năm 1973, ở phố 3, thị trấn N, huyện Th qua điện thoại các số đề gồm 00,02,20,07,70 mỗi số là

500.000đ; các số 08, 80 mỗi số là 100.000đ; “Hệ 02” là 50.000đ. Do được trừ đi 20% nên tổng số tiền M phải thanh toán cho X tổng số tiền là 2.480.000đ do mua qua điện thoại di động nên chưa trả tiền.

Ngoài ra X còn bán cho nhiều người khác không rõ họ tên, địa chỉ đến nhà mua cụ thể là: Các số đề 04, 66,69,70 mỗi số là 5 điểm; các số lô 99,10,64,97 mỗi số là 10 điểm; số lô 78 là 20 điểm; số 87 là 30 điểm (một điểm tương ứng với 1000đ). Tổng số tiền X bán là 2.530.000đ (Hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Các số đề 57,75 mỗi số là 5.000đ; các số 01,10,37,54 mỗi số là 10.000đ; số 00 là 17.000đ; các số 12,18,36,91,93,96 mỗi số là 20.000đ; các số 21,33,45,52,86,99 mỗi số là 30.000đ; số 41 là 40.000đ; các số 02,50,56,66,94 mỗi số là 50.000đ; số 68 là 60.000đ; các số 49,82,84 mỗi số là 70.000đ; các số 53,63,77 mỗi số 22,27,98 mỗi số là 100.000đ; số 83 là 120.000đ; số 88 là 130.000đ; các số 20, 69,73 mỗi số là 150.000đ; số 65 là 160.000đ; số 70 là 200.000đ. Sau khi trừ 20% hoa hồng cho khách tổng số tiền Xuân bán được tổng số tiền là 2.094.000 đ (Hai triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Vậy tổng số tiền Nguyễn Thị X đã bán cả số lô và đề trong ngày 11/9/2018 là 7.724.000đ (bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Theo quy ước giữa Nguyễn Thị X với người mua số lô, số đề thì cứ 01 điểm lô là người mua phải trả cho X 23.000đ; nếu trúng thưởng thì X sẽ trả 80.000đ. Một điểm số đề (tương ứng 1.000đ) sau khi trừ 20 % tiền hoa hồng thì người mua phải trả cho X là 800đ nếu trúng thưởng thì X sẽ trả 70.000đ. Cách tính là đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày, nếu số đề người mua trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì trúng thưởng; nếu số lô người mua trùng với 02 (hai) số cuối của 01(một) trong 27 giải thưởng thì trúng thưởng. Nếu không có ai trúng thưởng thì X được hưởng toàn bộ số tiền của người mua số lô, số đề.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, sau khi xét hỏi và tranh luận, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 36/CT-VKSBT-TA, ngày 15/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Thị X về tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị X phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên phạt mức án từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền: 7.724.000đ (bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành theo biên lai số AA/2010/004913, ngày 19/11/2018 và 01 (một) điện thoại di động màu vàng đen, nhãn hiệu itel số IMEI: 353080089856905; IMEI: 353080089856913, điện thoại gắn thẻ sim số 02373707251 điện thoại đã qua sử dụng. Toàn bộ vật chứng hiện đang quy trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước theo biên bản giao nhận vật chứng số 05 ngày 19/11/2018.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Tôi là người lao động tự do, không làm gì được mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho tôi vì tôi tuổi đã cao hay ốm đau, hiện tại đang có bệnh trong người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những

người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo khoảng 17 giờ 45 phút ngày 11/9/2018, Bùi Văn C đến nhà Nguyễn Thị X hỏi mua số lô, số đề. X đã bán cho C gồm: Các số lô 76 là 20 điểm lô tương ứng với số tiền là 460.000đ (một điểm lô X bán là 23.000đ); các số đề “đầu 0” là 20 điểm (một điểm số đề X bán là 1.000đ) tương ứng với số tiền là 200.000đ. Do được trừ đi 20% nên số tiền C phải trả cho X là 620.000đ; X bán cho Nguyễn Thị M qua điện thoại các số đề gồm 00,02,20,07,70 mỗi số là 500.000đ; các số 08, 80 mỗi số là 100.000đ; “Hệ 02” là 50.000đ. Do được trừ đi 20% nên tổng số tiền M phải thanh toán cho X là 2.480.000đ; Ngoài ra X còn bán cho nhiều người khác mà X không biết họ với tổng số tiền là 4.624.000đ. Tổng số tiền X bán lô, đề ngày 11/9/2018 là 7.724.000đ (bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Sau khi C trả tiền và nhận phiếu của X thì bị tổ công tác Công an huyện Bá Thước bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị X phạm tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hại không lớn cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp.

Động cơ và mục đích của bị cáo là bán số lô, số đề tự mình ăn thua với tất cả mọi người; bị cáo vừa làm chủ lô, đề vừa là người bán số lô, số đề, cho tất cả mọi người mua, vì muốn có nhiều tiền để chi tiêu thêm trong gia đình.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tiền án, tiền sự không có. Nhưng khi lượng hình phạt cũng cần xem xét giảm hình phạt cho bị cáo vì sau khi bị bắt và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; tỏ ra rất ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình

sự năm 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân tốt; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, chỉ cần phạt tiền là có khả năng cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015. Theo mức đề nghị về hình phạt là phạt tiền của Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo, là phù hợp, đủ để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Đối với Bùi Văn C và Nguyễn Thị M Công an huyện Bá Thước đã xử phạt vi phạm hành chính; còn những người mua số lô, số đề khác X không biết tên và địa chỉ Cơ quan điều tra không xác minh được nên không có căn cứ để Công an điều tra xem xét, Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Cơ quan quan điều tra đã thu giữ của bị cáo gồm: Số tiền 9.805.000đ tại vị trí ngồi của X, có 03 (ba) mảnh giấy có ghi các số lô, số đề ngày 11/9/2018. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Intel, màu Vàng- Đen, bên trong gắn 02 thẻ sim 02373707251 và sim 0931781786. Thu giữ trên người C có 01 mảnh giấy có ghi các số lô, số đề; thu giữ tại vị trí ngồi của Lê Quang N là chồng của Nguyễn Thị X có 06 tờ giấy có ghi các số Lô Tô và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG-J7 Prime màu Đen, màn hình cảm ứng.

Số tiền 4.561.000 (bốn triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng) và sim 0931781786 cùng với 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG-J7 Prime màu Đen, màn hình cảm ứng. Sau khi cơ quan điều tra Công an huyện Bá Thước kiểm tra, xác minh không có liên quan đến vụ án, đã trả lại cho bị cáo X và chồng bị cáo anh Lê Quang N là các chủ sở hữu hợp pháp, không có ai có ý kiến gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Số tiền 7.724.000đ (bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành theo biên lai số AA/2010/004913, ngày 19/11/2018 và 01 (một) điện thoại di động màu vàng đen, nhãn hiệu itel số IMEI: 353080089856905; IMEI: 353080089856913, điện thoại gắn thẻ sim số 02373707251 điện thoại đã qua sử dụng. Số tiền thu được do bị cáo X bán số lô, đề mà có là vật chứng thì bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; chiếc điện thoại di động mà X dùng nghe Nguyễn Thị M gọi điện thoại đến để đánh số lô, số đề là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội thì bị tịch thu sung vào

ngân sách nhà nước. Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước theo biên bản giao nhận vật chứng số 05 ngày 19/11/2018.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Thị X phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị X số tiền 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng).

Về xử lý vật chứng:

Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Xử: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.724.000đ (bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành theo biên lai số AA/2010/004913, ngày 19/11/2018 và 01 (một) điện thoại di động màu vàng đen, nhãn hiệu itel số IMEI: 353080089856905; IMEI: 353080089856913, điện thoại gắn thẻ sim số 02373707251 điện thoại đã qua sử dụng. Toàn bộ vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 05 ngày 19/11/2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo: Nguyễn Thị X phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Sở Tư pháp tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Th;
- UBND thị trấn Cành Nàng, huyện Th;
- Công an huyện Th;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đại Long